

Số: 25 /2018/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động
chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học; QCVN 01 - 14: 2010/BNNPTNT Điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học; QCVN 01 - 15: 2010/BNNPTNT Điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học;

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y; QCVN 01 - 79: 2011/BNNPTNT Cơ sở chăn nuôi



gia súc, gia cầm - Quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y; QCVN 01 - 82: 2011/BNNPTNT Vệ sinh thú y cơ sở ấp trứng gia cầm;

Căn cứ Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

Căn cứ Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

Căn cứ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch chăn nuôi, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 160/TTr-SNN-CN ngày 30 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 05 năm 2018 và thay thế Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành quy định về điều kiện vệ sinh thú y đối với

cơ sở chăn nuôi và cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Cục KTVB (Bộ tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, các phòng, KT;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT (Th qdqppl 01-018).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

**Về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi
gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung quản lý nhà nước về hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến chăn nuôi gia súc, gia cầm tại tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm* là bao gồm các hoạt động có liên quan phải thực hiện trong quá trình chăn nuôi về điều kiện vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi, con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chương trình phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch động vật (nhập, xuất), các giấy tờ pháp lý có liên quan và môi trường chăn nuôi.

2. *Cơ sở chăn nuôi hỗn hợp* là cơ sở nuôi đồng thời nhiều loại gia súc, gia cầm. Áp dụng quy đổi 01 con trâu, bò, ngựa bằng 04 con gia súc loại khác; 01 con đà điều quy đổi bằng 100 con gà, vịt, ngan, ngỗng hoặc 500 con chim cút; 01 con gà, vịt, ngan, ngỗng quy đổi bằng 05 con chim cút.

3. *Đường giao thông chính* là đường giao thông liên xã, liên huyện, liên tỉnh và quốc lộ.

4. *Chất thải chăn nuôi* là các chất được thải ra trong hoạt động chăn nuôi bao gồm:

a) Chất thải lỏng gồm nước phân, nước tiểu của vật nuôi, nước rửa chuồng trại, nước vệ sinh dụng cụ chăn nuôi.

b) Chất thải rắn là phân vật nuôi, chất độn chuồng, xác vật nuôi, thức ăn thừa, vỏ trứng.

c) Chất thải khí là khí thải ra từ khu vực chăn nuôi như CO₂, NH₃, H₂S, CH₄ và các loại khí gây mùi khác.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Tiêu chí xác định quy mô cơ sở chăn nuôi

1. Cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại là cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chí theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, với số lượng động vật được cụ thể tại khoản 8, Điều 2 Quy định Quy hoạch chăn nuôi, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ là cơ sở chăn nuôi có số lượng động vật dưới số lượng như ở Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Về địa điểm, vị trí xây dựng cơ sở

1. Đối với cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại

a) Địa điểm, vị trí xây dựng cơ sở theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 5 Quy định Quy hoạch chăn nuôi, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước.

b) Cơ sở chăn nuôi xây dựng mới phải nộp hồ sơ đề nghị thẩm định về địa điểm, vị trí trước khi xây dựng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo bộ thủ tục hành chính do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước công bố.

c) Nơi xây dựng cơ sở chăn nuôi phải có nguồn nước sạch và đủ trữ lượng cho chăn nuôi.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ

a) Vị trí xây dựng chuồng nuôi phải tách biệt với nhà ở và đảm bảo không gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh về chất thải, khí thải, tiếng ồn.

b) Không được làm chuồng nuôi trên sông, suối, kênh rạch công cộng, hành lang bảo vệ và mặt hồ chứa thủy lợi, hành lang bảo vệ và mặt hồ chứa thủy điện.

Điều 6. Các giấy tờ pháp lý có liên quan

1. Đối với cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại

Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại phải có các giấy tờ sau trong quá trình hoạt động:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.
- b) Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (Tùy vào diện tích chuồng trại theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường).
- c) Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y theo quy định.
- d) Các giấy tờ khác có liên quan.
- đ) Cơ sở chăn nuôi trước khi đưa vào hoạt động phải nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và cấp các giấy tờ trên. Trình tự, thủ tục thực hiện theo bộ thủ tục hành chính do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước công bố.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ

- a) Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (Đối với các hộ chăn nuôi có diện tích chuồng trại từ 50m² trở lên theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ).
- b) Thực hiện ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo mẫu quy định tại Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

Điều 7. Yêu cầu về chuồng trại

1. Đối với cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại

- a) Cơ sở chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh nhằm kiểm soát được người và động vật ra vào trại.
- b) Cơ sở chăn nuôi phải bố trí riêng biệt các khu: Khu chăn nuôi; khu vệ sinh, khử trùng thiết bị chăn nuôi; khu tắm rửa, khử trùng, thay quần áo cho công nhân và khách thăm quan; khu cách ly động vật ốm, động vật nhập mới; khu mổ khám lâm sàng và lấy bệnh phẩm; khu tập kết và xử lý chất thải, xác động vật chết; khu làm việc của cán bộ chuyên môn; các khu phụ trợ khác (nếu có).
- c) Thiết kế xây dựng chuồng nuôi, kho thức ăn, kho thuốc thú y, kho hóa chất và thuốc sát trùng, kho thiết bị...; Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong chăn nuôi phù hợp theo quy chuẩn hiện hành.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi hộ gia đình, nhỏ lẻ

a) Chuồng nuôi dễ vệ sinh, khử trùng tiêu độc; phải có nơi để chứa, ủ chất thải rắn, có hồ để xử lý chất thải lỏng đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường.

b) Tùy vào quy mô chăn nuôi có thiết kế xây dựng chuồng nuôi, kho thức ăn, kho thuốc thú y, kho hoá chất và thuốc sát trùng, kho thiết bị...; Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong chăn nuôi phù hợp.

Điều 8. Yêu cầu về con giống

Con giống gia súc, gia cầm đưa vào chăn nuôi phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Phải nằm trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh.

2. Phải khỏe mạnh, có nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định.

Điều 9. Yêu cầu về sử dụng thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi

1. Thuốc thú y sử dụng trong quá trình chăn nuôi phải nằm trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam. Không được phép sử dụng nguyên liệu thuốc thú y để phòng, trị bệnh cho động vật.

2. Cơ sở chăn nuôi được phép sử dụng thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi sản xuất để tiêu thụ nội bộ, thức ăn chăn nuôi theo tập quán trong quá trình chăn nuôi. Riêng thức ăn chăn nuôi thương mại phải có trong Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam.

Không được phép sử dụng chất cấm trong chăn nuôi dưới bất cứ hình thức nào trong quá trình chăn nuôi.

Điều 10. Yêu cầu về phòng, chống dịch bệnh

1. Thực hiện việc phòng bệnh, giám sát dịch bệnh

Trong quá trình chăn nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện các biện pháp phòng bệnh cho động vật và giám sát dịch bệnh. Cụ thể như sau:

a) Thực hiện công tác phòng bệnh động vật theo quy định tại Điều 15 của Luật Thú y 2015 và Điều 3 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn (viết tắt là Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT).

Riêng đối với cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại, phải tuân thủ yêu cầu vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi để phòng bệnh cho động vật; việc lấy mẫu giám sát bệnh định kỳ hoặc lấy mẫu giám sát tiêm phòng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

b) Thực hiện việc giám sát dịch bệnh động vật theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Thú y năm 2015.

2. Thực hiện các nội dung liên quan đến chống dịch động vật

a) Thực hiện việc khai báo dịch bệnh động vật cho nhân viên thú y cấp xã, UBND cấp xã hoặc Trạm Chăn nuôi - Thú y cấp huyện khi phát hiện động vật mắc bệnh, chết, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm hoặc chết bất thường mà không rõ nguyên nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Thú y năm 2015 và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

b) Thực hiện các biện pháp xử lý ổ dịch bệnh; xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh theo quy định tại Điều 25, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 1 và khoản 6 Điều 30 của Luật Thú y năm 2015 và Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

Điều 11. Yêu cầu về kiểm dịch động vật

1. Chủ cơ sở chăn nuôi khi nhập động vật từ ngoài tỉnh Bình Phước về cơ sở phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật tại nơi xuất phát.

2. Chủ vật nuôi khi có nhu cầu vận chuyển động vật ra khỏi tỉnh Bình Phước phải thực hiện việc kiểm dịch động vật theo quy định và quy trình tại Chương II Luật Thú y năm 2015 và Chương II Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Điều 12. Yêu cầu về xử lý chất thải chăn nuôi

1. Các cơ sở chăn nuôi bắt buộc phải có hệ thống, giải pháp xử lý chất thải đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trong quá trình chăn nuôi. Nghiêm cấm việc thải trực tiếp chất thải chưa xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường xung quanh.

2. Xử lý chất thải lỏng

Các chất thải lỏng từ hoạt động chăn nuôi phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng; phải được xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành trước khi thải ra môi trường.

3. Xử lý chất thải rắn

a) Chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng nhiệt, hóa chất hoặc bằng chế phẩm sinh học phù hợp. Chất thải rắn trước khi thải ra môi trường phải được xử lý đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định pháp luật thú y hiện hành. Nghiêm cấm việc chuyển giao, bán, cho, tặng chất thải rắn chưa xử lý cho các cá nhân, đơn vị không có chức năng xử lý. Khi chất thải rắn được mang đi xử lý bên ngoài cơ sở chăn nuôi phải đảm bảo quy định về vận chuyển chất thải hiện hành.

b) Đối với động vật mắc bệnh; xác động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh thuộc danh mục các bệnh phải công bố dịch thì phải thực hiện tiêu hủy bắt buộc theo hướng dẫn tại phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016.

4. Yêu cầu không khí xung quanh

Khí thải ra từ khu vực chăn nuôi phải đảm bảo giới hạn của các thông số cơ bản trong không khí xung quanh được quy định tại Bảng 1 QCVN 05:2013/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước

1. UBND các huyện, thị xã chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn; các phòng ban trực thuộc có liên quan triển khai, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của tổ chức, cá nhân.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện việc kiểm tra và hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện quy định đối với cơ sở chăn nuôi trước khi xây dựng và đưa vào hoạt động.

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện quy định này.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về môi trường.

4. Các sở, ngành khác liên quan: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện quy định này.

5. UBND xã, phường, thị trấn:

Đối với địa bàn các xã, phường, thị trấn có cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ dễ phát sinh chất thải, khí thải, tiếng ồn, mùi hôi gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan tiến hành kiểm tra và tổ chức họp tham vấn cộng đồng xử lý theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước phải thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Đối với cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ:

Trong quá trình chăn nuôi, nếu để phát sinh chất thải, khí thải, tiếng ồn, mùi hôi gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh, Chủ tịch UBND cấp xã chủ trì tổ chức họp tham vấn cộng đồng các hộ dân sống xung quanh gần nhất (cuộc họp phải có biên bản). Trường hợp kết quả họp tham vấn cộng đồng được sự đồng ý của trên 50% các hộ dân sống xung quanh và cơ sở chăn nuôi thực hiện khắc phục hiệu quả thì tiếp tục chăn nuôi; Trường hợp không đủ số lượng hộ dân đồng ý như trên hoặc đủ số lượng hộ dân đồng ý như trên nhưng cơ sở chăn nuôi không có biện pháp khắc phục, thì phải buộc cơ sở di dời hoặc dừng ngay hoạt động chăn nuôi tại vị trí cũ.

Điều 15. Điều kiện chuyển tiếp

Đối với các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm đang hoạt động và đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trước thời điểm Quy định này có hiệu lực mà không đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy định này thì được phép tiếp tục hoạt động. Tuy nhiên, phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y khác; đồng thời, phải có lộ trình khắc phục đảm bảo theo Quy định này.

Điều 16. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm